TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 103/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30 – 5 – 2019
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Chiến.
2. Ông Bùi Đức Thắng.
- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thúy Nguyên – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 40/2019/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 294/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Tố L; cư trú tại số 71/2, khu phố H, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Thanh D; cư trú tại số 55, đường K, khóm N, phường M, thành phố C, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, chị Nguyễn Thị Tố L và anh Lê Thanh D chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường M, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng đến năm 2017 giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được nguyên nhân theo chị L trình bày là do anh D thường xuyên uống rượu về nhà xúc phạm và đánh chị nhiều lần, hiện chị với anh D đã sống ly thân từ ngày 16/7/2017 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai. Tại toà, chị L xác định không còn tình cảm với anh nên yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn. Riêng anh D cho rằng trong thời gian chung sống, giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và chị L bỏ nhà đi, nay chị L xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung, có 02 người con là Nguyễn Đức Trọng, sinh ngày 19/12/2009 (lấy theo họ mẹ) và Lê Thanh Thảo My, sinh ngày 08/9/2013, hiện các con đang chung sống với anh D. Khi ly hôn, chị L giao các con cho anh D nuôi và không cấp dưỡng nuôi con do hiện nay công việc, thu nhập của chị chưa ổn định khi nào có điều kiện chị sẽ cho riêng các con của chị. Đối với anh D cũng đồng ý nhận nuôi hai người

con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng. Riêng cháu Nguyễn Đức Trọng cũng có nguyện vọng được sống với anh D.

Về tài sản chung và nợ chung, chị L và anh D khai không có.

Đồng thời, do bận công việc làm ăn nên anh D yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt anh trong vụ án trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về hôn nhân, chị L và anh D chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy rằng giữa anh, chị trình bày mâu thuẫn không thống nhất với nhau nhưng có cơ sở xác định mâu thuẫn thực tế giữa anh chị là có thật và cũng chính từ mâu thuẫn trên mà anh chị không còn thương yêu, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau. Hiện anh, chị mỗi người sống một nơi, cuộc sống nạnh ai nấy lo và không ai quan tâm đến ai. Nay chị L xin ly hôn, anh D cũng đồng ý nên chấp nhận.

[2] Về con chung Nguyễn Đức Trọng, sinh ngày 19/12/2009 (lấy theo họ mẹ) và Lê Thanh Thảo My, sinh ngày 08/9/2013, hiện các con đang chung sống với anh D. Khi ly hôn, chị L cùng anh D đã thống nhất thỏa thuận giao các con cho anh D nuôi và không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con và trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con giữa anh D, chị L là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của cháu Trọng nên chấp nhận.

[3] Về tài sản và nợ chung, chị L cùng anh D khai không có, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về thủ tục tố tụng, anh Lê Thanh D đã có lời khai và xin vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh D.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, chị L phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân, chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Tố L về việc xin ly hôn anh Lê Thanh D.

- Về con chung là Nguyễn Đức Trọng, sinh ngày 19/12/2009 và Lê Thanh Thảo My, sinh ngày 08/9/2013. Hiện hai người con đang chung sống với anh Lê Thanh D, tiếp tục giao cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng và không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị L có quyền đến thăm nom, chăm sóc và nuôi dạy con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung, chị Nguyễn Thị Tố L và anh Lê Thanh D khai không có nên không xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, chị Nguyễn Thị Tố L phải chịu số tiền là 300.000đ. Ngày 11/01/2019, chị L đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0001950 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Chị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lâm Hoài Ân

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND phường M, thành phố C, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.